



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ  
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**  
**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020



<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2020 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMN theo Quyết định số 219/QĐ-SGDHN ngày 20/04/2015. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu SMN là ngày 14/07/2015.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 38300312- 38358423
- Fax: (028) 38351488- 38390727
- Website: [www.sobee.com.vn](http://www.sobee.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán lẻ bể bơi di động.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 71 người. Trong đó nhân viên quản lý là 13 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Phùng Ngọc Hồng   | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh    | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa    | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn   | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Thành Anh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |

### **Ban Kiểm soát**

- |                        |            |                              |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Hữu | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Ông Phạm Duy Khánh   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/06/2020     |
| • Bà Mạc Thị Hồng Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 08/06/2020     |
| • Bà Dương Văn Nhung   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15/01/2015     |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 08/06/2020   |
| • Ông Hồ Anh Tuấn      | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 15/01/2015 |
|                        |            | Miễn nhiệm ngày 08/06/2020   |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                      |                   |                              |
|----------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh  | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Ông Trần Lê Quang  | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa  | Kế toán trưởng    | Tái bổ nhiệm ngày 08/06/2020 |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 913/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập ngày 03/08/2020 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2020

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>273.225.109.559</b>	<b>55.719.381.238</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.046.075.926</b>	<b>10.772.960.445</b>
1. Tiền	111	5	3.046.075.926	3.745.234.418
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.027.726.027
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>139.289.827.193</b>	<b>28.353.605.858</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	137.770.726.617	25.805.489.859
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.241.862.400	84.083.862
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	1.118.870.447	1.307.859.537
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(841.632.271)	(343.827.400)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	10	<b>129.606.218.445</b>	<b>15.712.523.567</b>
1. Hàng tồn kho	141		130.830.007.986	16.936.313.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.223.789.541)	(1.223.789.541)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.282.987.995</b>	<b>880.291.368</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.217.699.013	877.291.368
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.288.982	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	3.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>29.842.579.159</b>	<b>30.072.492.709</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.819.913.266</b>	<b>14.819.913.266</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	14.819.913.266	14.819.913.266
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>939.600.632</b>	<b>1.136.038.899</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	939.600.632	1.136.038.899
- Nguyên giá	222		4.489.003.877	4.489.003.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.549.403.245)	(3.352.964.978)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.363.636</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	28.363.636	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	14	<b>4.844.775.858</b>	<b>4.844.775.858</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.329.000.000	3.329.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(484.224.142)	(484.224.142)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.209.925.767</b>	<b>9.271.764.686</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	9.209.925.767	9.271.764.686
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>303.067.688.718</b>	<b>85.791.873.947</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>237.235.092.738</b>	<b>17.816.570.343</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>237.235.092.738</b>	<b>17.816.570.343</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	228.782.792.999	8.053.376.974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	458.761.601	1.071.457.405
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	712.528.802	860.551.429
4. Phải trả người lao động	314		184.044.844	820.376.184
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.791.762.490	1.739.693.810
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.321.248.441	4.249.200.741
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		983.953.561	1.021.913.800
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.832.595.980</b>	<b>67.975.303.604</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>65.832.595.980</b>	<b>67.975.303.604</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.050.000.000	44.050.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	20	(200.000.000)	(200.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	20.020.590.151	19.740.303.604
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	1.962.005.829	4.385.000.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	1.962.005.829	4.385.000.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>303.067.688.718</b>	<b>85.791.873.947</b>



Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Duyên



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	185.990.656.200	342.804.073.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	357.235.199	5.385.612.443
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		185.633.421.001	337.418.461.045
4. Giá vốn hàng bán	11	23	167.984.254.252	303.316.941.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>17.649.166.749</b>	<b>34.101.520.020</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	328.223.977	522.653.989
7. Chi phí tài chính	22		-	993.956.803
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	8.063.449.032	15.451.720.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	6.109.305.684	9.409.833.801
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>3.804.636.010</b>	<b>8.768.662.545</b>
11. Thu nhập khác	31	26	37.059.867	27.468.936
12. Chi phí khác	32	27	350.589.041	386.505.635
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(313.529.174)</b>	<b>(359.036.699)</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>3.491.106.836</b>	<b>8.409.625.846</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	688.241.367	1.646.601.169
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>2.802.865.469</b>	<b>6.763.024.677</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	511	1.234
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	511	1.234



**Đỗ Thị Mai Anh**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Huỳnh Thị Mỹ Duyên**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		73.055.534.752	202.231.750.905
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(71.464.942.400)	(148.872.932.594)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.070.406.092)	(6.513.942.810)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(70.256.004)	(92.055.315)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.434.306.325	3.194.996.083
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.033.304.141)	(1.142.047.236)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.149.067.560)</b>	<b>48.805.769.033</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(28.363.636)	(8.496.175.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(800.000.000)	(1.019.375.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		2.300.000.000	1.019.375.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,24	335.546.677	522.653.989
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.807.183.041</b>	<b>(7.973.521.011)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(4.385.000.000)	(4.385.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.385.000.000)</b>	<b>(4.385.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(7.726.884.519)</b>	<b>36.447.248.022</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	10.772.960.445	15.029.070.368
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>3.046.075.926</b>	<b>51.476.318.390</b>



Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Duyên



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 09/02/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh sách, thiết bị giáo dục.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán lẻ bể bơi di động.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có các công ty liên kết và góp vốn đầu tư vào công ty khác như sau:

- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Bà Rịa Vũng Tàu
- Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Bình Dương
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 (bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/06/2020).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### ***Dự phòng***

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.17 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
Tiền mặt	616.392.586	91.953.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.429.683.340	3.653.281.344
<b>Cộng</b>	<b>3.046.075.926</b>	<b>3.745.234.418</b>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	43.325.651.344	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đắk Lắk	9.610.746.585	205.056.260
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Khánh Hòa	13.410.167.800	-
Các đối tượng khác	71.424.160.888	25.600.433.599
<b>Cộng</b>	<b>137.770.726.617</b>	<b>25.805.489.859</b>

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	5.915.526.874	1.980.403.789
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	43.325.651.344	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	6.244.554.227	58.635.247
Các đối tượng khác	15.153.798.723	982.358.816
<b>Cộng</b>	<b>70.639.531.168</b>	<b>3.021.397.852</b>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	1.126.890.900	-
Các đối tượng khác	114.971.500	84.083.862
<b>Cộng</b>	<b>1.241.862.400</b>	<b>84.083.862</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu khác

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	133.833.799	-	-	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư và Phát triển Nhật Văn	400.000.000	-	400.000.000	-
Phải thu BHXH	-	-	8.926.053	-
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm	-	-	68.823.759	-
Ký cược, ký quỹ	103.144.822	-	123.378.777	-
Phải thu CBCNV thuế TNCN	284.359.789	-	582.213.548	-
Phải thu khác	197.532.037	-	124.517.400	-
<b>Cộng</b>	<b>1.118.870.447</b>	<b>-</b>	<b>1.307.859.537</b>	<b>-</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
- Dự án Mai Thị Lựu (*)	14.814.913.266	-	14.814.913.266	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>14.819.913.266</b>	<b>-</b>	<b>14.819.913.266</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam), Công ty CP Đầu tư & PTGD Phương Nam để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh, trong đó: vốn đầu tư của Công ty chiếm 30% dự án. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh, các bên thống nhất giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam quản lý và khai thác kinh doanh, tập hợp và phân chia doanh thu, chi phí cho các bên theo tỷ lệ đã thỏa thuận.

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	841.632.271	343.827.400
- Từ 3 năm trở lên	68.441.901	68.441.901
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	275.385.499	275.385.499
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	103.000.480	-
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	394.804.391	-
<b>Cộng</b>	<b>841.632.271</b>	<b>343.827.400</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.353.124.454	-	1.788.228.188	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.811.320.902	-	696.858.860	-
Thành phẩm	13.640.639.461	-	6.643.381.071	-
Hàng hóa	110.023.425.751	1.223.789.541	7.401.509.496	1.223.789.541
Hàng gửi bán	1.001.497.418	-	406.335.493	-
<b>Cộng</b>	<b>130.830.007.986</b>	<b>1.223.789.541</b>	<b>16.936.313.108</b>	<b>1.223.789.541</b>

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2020.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí bán thảo	213.113.931	3.080.853
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	838.346.266	577.235.700
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	166.238.816	296.974.815
<b>Cộng</b>	<b>1.217.699.013</b>	<b>877.291.368</b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa chờ phân bổ	710.725.767	772.564.686
Chi phí bán thảo	139.200.000	139.200.000
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	8.360.000.000	8.360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.209.925.767</b>	<b>9.271.764.686</b>

(\*) Là khoản thuê cơ sở hạ tầng trên đất tại Lô A5-3, Khu A, Đường N2, KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTD/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD). Cho đến hiện nay, Công ty đang triển khai các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn và nhận bàn giao đất từ bên cho thuê.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	609.700.818	3.342.663.027	536.640.032	4.489.003.877
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>609.700.818</b>	<b>3.342.663.027</b>	<b>536.640.032</b>	<b>4.489.003.877</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	417.363.555	2.501.207.316	434.394.107	3.352.964.978
Khấu hao trong kỳ	26.515.151	136.830.237	33.092.879	196.438.267
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>443.878.706</b>	<b>2.638.037.553</b>	<b>467.486.986</b>	<b>3.549.403.245</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	192.337.263	841.455.711	102.245.925	1.136.038.899
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>165.822.112</b>	<b>704.625.474</b>	<b>69.153.046</b>	<b>939.600.632</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2020 là 2.330.301.942 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình nào đang cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2020.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020	01/01/2020
Dự án nhà kho chứa hàng hóa, vật tư	28.363.636	-
<b>Cộng</b>	<b>28.363.636</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**14. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tình hình hoạt động	30/06/2020				01/01/2020			
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng (i)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết									
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Đang hoạt động	210.000	21%	2.100.000.000	-	-	2.100.000.000	-	-
- Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu	Đang hoạt động	122.900	35%	1.229.000.000	-	-	1.229.000.000	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	200.000	2%	2.000.000.000	484.224.142	-	2.000.000.000	484.224.142	-
<b>Cộng</b>				<b>5.329.000.000</b>	<b>484.224.142</b>		<b>5.329.000.000</b>	<b>484.224.142</b>	

- (i) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty CP Sách TBGD Bình Dương và Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu. Do đó, Công ty giữ nguyên số dự phòng đã trích lập tại thời điểm 31/12/2019.
- (ii) Các cổ phiếu của các Công ty nhận đầu tư trên chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	216.582.129.461	1.262.575.237
Các đối tượng khác	12.200.663.538	6.790.801.737
<b>Cộng</b>	<b>228.782.792.999</b>	<b>8.053.376.974</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2020	01/01/2020
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	216.582.129.461	1.262.575.237
Công ty CPĐT & PT Giáo dục Hà Nội	1.954.823.860	1.420.405.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	458.088.169	758.488.600
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.199.777.442	936.196.022
Công ty Cổ Phần Sách Đại học - Dạy nghề	1.822.554.600	-
Các đối tượng khác	206.208.980	1.115.201.397
<b>Cộng</b>	<b>222.223.582.512</b>	<b>5.492.866.256</b>

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đăk Nông	183.415.380	-
Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu (bên liên quan)	-	777.217.936
Các đối tượng khác	275.346.221	294.239.469
<b>Cộng</b>	<b>458.761.601</b>	<b>1.071.457.405</b>

### 17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	453.519.100	-	453.519.100	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	70.256.004	688.241.367	70.256.004	-	688.241.367
Thuế thu nhập cá nhân	-	336.776.325	696.088.314	1.008.577.204	-	24.287.435
Các loại thuế khác	3.000.000	-	3.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000</b>	<b>860.551.429</b>	<b>1.387.329.681</b>	<b>1.532.352.308</b>	<b>-</b>	<b>712.528.802</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
Chi phí bản thảo, nhuận bút phải trả	4.791.762.490	1.689.693.810
Các khoản trích trước khác	-	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.791.762.490</b>	<b>1.739.693.810</b>

### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn	54.484.800	9.600
Hoa hồng môi giới	150.454.236	3.321.068.843
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Phải trả khác	1.096.309.405	908.122.298
<b>Cộng</b>	<b>1.321.248.441</b>	<b>4.249.200.741</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	44.050.000.000	(200.000.000)	9.759.915.604	11.034.490.926
Tăng trong năm	-	-	9.980.388.000	9.644.871.343
Giảm trong năm	-	-	-	16.294.362.269
Số dư tại 31/12/2019	<u>44.050.000.000</u>	<u>(200.000.000)</u>	<u>19.740.303.604</u>	<u>4.385.000.000</u>
Số dư tại 01/01/2020	44.050.000.000	(200.000.000)	19.740.303.604	4.385.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	280.286.547	2.802.865.469
Giảm trong kỳ	-	-	-	5.225.859.640
Số dư tại 30/06/2020	<u>44.050.000.000</u>	<u>(200.000.000)</u>	<u>20.020.590.151</u>	<u>1.962.005.829</u>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020	01/01/2020
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.450.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### c. Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.405.000	4.405.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.385.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.385.000	4.385.000
	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.385.000.000	11.034.490.926
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	2.802.865.469	9.644.871.343
Phân phối lợi nhuận	5.225.859.640	16.294.362.269
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	4.385.000.000	11.034.490.926
+ Chia cổ tức	4.385.000.000	4.385.000.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	6.649.490.926
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	840.859.640	5.259.871.343
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	280.286.547	3.330.897.074
+ Trích quỹ KTPL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	560.573.093	1.928.974.269
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.962.005.829</b>	<b>4.385.000.000</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 145/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2020.

### e. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 145/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2020 của Công ty, phương án trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 là bằng tiền với tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2020.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa	166.302.541.914	293.417.737.509
Doanh thu sách tham khảo	18.268.182.786	46.612.247.645
Doanh thu khác	1.419.931.500	2.774.088.334
<b>Cộng</b>	<b>185.990.656.200</b>	<b>342.804.073.488</b>

### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Hàng bán bị trả lại	357.235.199	5.385.612.443
<b>Cộng</b>	<b>357.235.199</b>	<b>5.385.612.443</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa	155.685.988.644	274.434.602.272
Giá vốn sách tham khảo	11.147.870.766	26.751.865.957
Giá vốn hoạt động khác	1.150.394.842	2.130.472.796
<b>Cộng</b>	<b>167.984.254.252</b>	<b>303.316.941.025</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.722.918	214.333.989
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210.000.000	308.320.000
Lãi bán hàng trả chậm	61.501.059	-
<b>Cộng</b>	<b>328.223.977</b>	<b>522.653.989</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	3.383.374.035	7.608.571.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.091.443	159.762.160
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.124.237.532	3.018.041.832
Chi phí thuê kho	931.025.452	484.363.636
Chi phí khác	2.467.720.570	4.180.981.933
<b>Cộng</b>	<b>8.063.449.032</b>	<b>15.451.720.860</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	210.544.636	333.762.195
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.084.224.446	4.660.546.955
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.831.672	18.183.336
Các khoản khác	3.303.900.059	4.373.931.922
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	497.804.871	23.409.393
<b>Cộng</b>	<b>6.109.305.684</b>	<b>9.409.833.801</b>

### 26. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	36.909.274	26.887.324
Thu nhập khác	150.593	581.612
<b>Cộng</b>	<b>37.059.867</b>	<b>27.468.936</b>

### 27. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	349.781.544	385.292.673
Chi phí khác	807.497	1.212.962
<b>Cộng</b>	<b>350.589.041</b>	<b>386.505.635</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.491.106.836	8.409.625.846
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(49.900.000)	(176.620.000)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không hợp lệ)	160.100.000	131.700.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	210.000.000	308.320.000
Tổng thu nhập chịu thuế	3.441.206.836	8.233.005.846
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>688.241.367</b>	<b>1.646.601.169</b>

### 29. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.802.865.469	6.763.024.677
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(560.573.093)	(1.352.604.936)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	560.573.093	1.352.604.936
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.242.292.376	5.410.419.741
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.385.000	4.385.000
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>511</b>	<b>1.234</b>

### 30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.329.573.554	8.300.320.605
Chi phí nhân công	5.467.598.481	12.269.118.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.438.267	204.460.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.624.862.630	19.929.545.569
Chi phí khác bằng tiền	5.470.346.770	8.200.633.168
<b>Cộng</b>	<b>28.088.819.702</b>	<b>48.904.078.244</b>

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 32. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), hơn nữa đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt. Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	228.782.792.999	-	228.782.792.999
Chi phí phải trả	4.791.762.490	-	4.791.762.490
Phải trả khác	1.266.763.641	-	1.266.763.641
<b>Cộng</b>	<b>234.841.319.130</b>	<b>-</b>	<b>234.841.319.130</b>
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.053.376.974	-	8.053.376.974
Chi phí phải trả	1.739.693.810	-	1.739.693.810
Phải trả khác	4.249.191.141	-	4.249.191.141
<b>Cộng</b>	<b>14.042.261.925</b>	<b>-</b>	<b>14.042.261.925</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.046.075.926	-	3.046.075.926
Đầu tư tài chính	-	1.515.775.858	1.515.775.858
Phải thu khách hàng	136.929.094.346	-	136.929.094.346
Phải thu khác	985.036.648	14.819.913.266	15.804.949.914
<b>Cộng</b>	<b>140.960.206.920</b>	<b>16.335.689.124</b>	<b>157.295.896.044</b>

<b>01/01/2020</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.772.960.445	-	10.772.960.445
Đầu tư tài chính	-	1.515.775.858	1.515.775.858
Phải thu khách hàng	25.461.662.459	-	25.461.662.459
Phải thu về cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu khác	1.298.933.484	14.819.913.266	16.118.846.750
<b>Cộng</b>	<b>39.033.556.388</b>	<b>16.335.689.124</b>	<b>55.369.245.512</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 33. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Chung công ty đầu tư



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	500.000	12.868.175
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	254.167.088.160	291.235.799.429
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	2.045.603.080	3.318.617.960
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo, TBGD	2.832.612.227	3.475.926.435
Công ty CP ĐT&PT Công Nghệ Văn Lang	Phần mềm kế toán	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	721.366.120	1.871.760.730
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	1.108.360.000	3.224.466.000
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Sách tham khảo	76.160.500	-
Công ty CP Học liệu	Hợp tác kinh doanh	364.357.712	273.693.913
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Sách tham khảo	235.105.660	153.650.520
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Sách tham khảo	226.053.860	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Sách tham khảo	1.882.934.850	5.642.705.960
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	1.734.418.860	83.902.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Sách tham khảo	-	849.573.330
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	240.507.200	193.739.750
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng sách	23.000.000	128.310.250
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách	-	11.504.600
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	11.025.000	61.664.889
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	25.444.200	73.724.200
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Cung ứng sách	6.304.452.221	11.857.830.220
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	11.084.636.145	29.256.969.981
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	51.577.651.900	95.236.273.710
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị giáo dục	1.704.353.350	2.099.233.970
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng sách	343.440.000	1.275.231.330
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cung ứng sách	22.086.700	-
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng sách, Thiết bị giáo dục	7.784.700	-
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	83.088.861	80.546.737
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	59.088.025	199.538.650
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng sách	5.525.562	44.126.400
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Cung ứng sách	5.119.485.260	13.125.960.100
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	7.944.756.668	12.296.275.092
Công ty CP Sách TBTH Tiền Giang	Cung ứng sách	6.411.766.000	11.812.436.720
<b>Chia cổ tức</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ tức	2.340.000.000	2.340.000.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Cổ tức	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Học liệu	Cổ tức	105.000.000	105.000.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 34. Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê đất tại Lô A5-3, Khu A5, Đường N2, Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 238/HĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 và Phụ lục số 238/PLHĐTĐ/SCD-2019 ngày 16/10/2019 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD), thông tin cụ thể như sau:

- Diện tích thuê: 5.000 m<sup>2</sup>.
- Thời gian thuê: Từ ngày 16/10/2019 đến ngày 16/12/2054.
- Mục đích thuê: Xây dựng nhà kho.
- Tiền thuê lại đất:
  - ✓ Thời điểm tính tiền thuê lại đất từ thời điểm nhận chuyển giao đất. Đến thời điểm 30/06/2020, Công ty vẫn chưa nhận bàn giao đất thuê.
  - ✓ Đơn giá thuê: Theo đơn giá được thông báo từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Tiền duy tu hàng năm:
  - ✓ Thời điểm tính tiền duy tu: Công ty được miễn tiền duy tu 12 tháng kể từ thời điểm nhận bàn giao lô đất và đường giao thông N2 đã hoàn thiện.
  - ✓ Phương thức trả tiền: Hàng năm.
  - ✓ Đơn giá duy tu: 12.500 đồng/m<sup>2</sup>/năm (chưa bao gồm thuế GTGT). Đơn giá này sẽ được xem xét lại 3 năm 1 lần với không chế mức tăng không quá 15% mức cũ.
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng:
  - ✓ Thời điểm chi trả: Chi trả theo tiến độ thanh toán đã được thỏa thuận trước tại Phụ lục hợp đồng nêu trên.
  - ✓ Giá trị thuê: áp dụng đơn giá thuê 1.900.000 đồng/m<sup>2</sup> cho toàn bộ thời gian thuê (đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT). Tổng giá trị thuê tính cho cả thời gian thuê là 10,45 tỷ đồng (bao gồm thuế GTGT).
  - ✓ Đến thời điểm 30/06/2020, Công ty đã nhận được hóa đơn và tiến hành chi trả theo tiến độ với số tiền là: 8,36 tỷ đồng (bao gồm thuế GTGT).

### 35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



**Đỗ Thị Mai Anh**  
Đỗ Thị Mai Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 08 năm 2020

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Huỳnh Thị Mỹ Duyên

